



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03336

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                       |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : AQUALYSO STD                                                                                                        |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 618 bao/ 12.360 kg                                                                                                  |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Franklin (Asia) Co., Ltd, Thailand.                                                                                 |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                       |
| Hợp đồng số                       | : 102025/TSA-ADISSEO ngày 17/5/2025                                                                                   |
| Hóa đơn số                        | : 93047409 ngày 25/7/2025                                                                                             |
| Vận đơn số                        | : NSSLBKHCC2500818                                                                                                    |
| Ngày sản xuất                     | : 29/5/2025                                                                                                           |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 5778/HQ-GDK-TTKN ngày 29/7/2025<br>(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037934)                                                |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH TÂN SAO Á</b><br>Địa chỉ: 149 Phạm Văn Sáng, ấp 22, xã Bà Điểm,<br>Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)                     |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT                                                                                           |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                            |

**Quyết định chứng nhận**  
Số:2120 /QĐ-TTKN  
Ngày 18 tháng 8 năm 2025



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

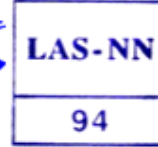
**Phạm Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 11008/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 31412508724  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 12/08/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 12/08/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0825126/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 15/08/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

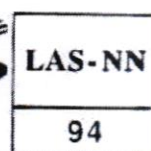
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168  
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 3142 / 2025 / HQ.

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại/Tel: 0964122045.

- Email: ttnknphanam@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân

Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information ☐ Có/Yes; ☐ Không/No:

Tên / Name: .....

Địa chỉ/ Address: .....

Mã số thuế/ Tax code: .....

E-mail gửi hoá đơn: .....

c. Thông tin mẫu / Sample information

| TT | Tên mẫu/<br>Sample name | Mô tả mẫu/<br>Sample<br>description | Khối<br>lượng/Weight<br>hoặc/or<br>Thể<br>tích/Volume              | Chỉ tiêu yêu cầu/ Required<br>parameter                                                                                   | Phương pháp thử/ Test<br>method<br>(nếu có/ if any) | Mã số mẫu/<br>Sample code<br>(Khách hàng<br>không ghi cột<br>này/ Customer<br>does not fill in<br>this column) |
|----|-------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | 0825126/HQV2            | Thức ăn<br>bổ sung<br>thủy sản      | Đóng trong<br>túi/chai kín,<br>khối lượng<br>02 mẫu,<br>0,5 kg/mẫu | Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Escherichia coli (CFU/g)<br>Salmonella (CFU/25g) | QCVN 02-31-<br>2:2019/BNNPTNT<br>tại Mục 2.3 bảng 3 |                                                                                                                |

d. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:

☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other: .....

Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature)

Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐

Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No

Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any): .....

Người gửi mẫu/  
Customer

Phạm Hồng Quân

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 12-08-2025

Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: 19-08-2025

Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact

Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen

Ghi chú/note: .....

Người nhận  
mẫu/  
Recipient

Nguyễn Ngọc Anh

Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột "Mã số mẫu/ Sample code", Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.

## BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

### 1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

| DOANH<br>NGHIỆP<br>ĐƯỢC<br>ĐÁNH GIÁ        | MÃ SỐ MẪU    | QUY CHUẨN ÁP<br>DỤNG                            | TÊN SẢN PHẨM/CHỈ<br>TIÊU PHÂN TÍCH                                                                                                                             | GHI CHÚ                |
|--------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| CÔNG TY<br>TNHH TÂN<br>SAO Á<br>11/08/2025 | 0825126/HQV2 | QCVN 02-31-<br>2:2019/BNNPTNT<br>Mục 2.3 bảng 3 | <b>AQUALYSO STD</b><br>Asen (As) vô cơ (mg/kg)<br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) | BNNPTNT<br>29250037934 |

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

### 2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

| Gửi mẫu         |         |                                                      | Phòng thử<br>nghiệm được lựa<br>chọn | Ghi chú |
|-----------------|---------|------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| Người thực hiện | Đơn vị  | Thời gian<br>(ghi rõ .... giờ, ngày<br>.../.../....) |                                      |         |
| Bùi Trọng Đoàn  | ASTAC 2 | 7h30 ngày 11/08/2025                                 | ASTAC 1                              |         |

